

Số: 225/QĐ-UBND

Lục Ba, ngày 15 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách  
Nhà nước xã Lục Ba quý 3 năm 2024

### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỤC BA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 27/12/2023 của HĐND xã Lục Ba về phê duyệt dự toán ngân sách xã Lục Ba năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND xã Lục Ba về việc phân bổ dự toán nhà nước xã Lục Ba năm 2024;

Xét đề nghị của ban Tài chính xã Lục Ba.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách xã Lục Ba quý 3 năm 2024 (theo các biểu kèm theo Quyết định này)

- Hình thức công khai: Đăng lên cổng thông tin điện tử của xã, gửi các trưởng xóm, niêm yết tại xóm, niêm yết tại trụ sở UBND ít nhất 30 ngày, phát trên loa truyền thanh của xã vào buổi sáng sớm hoặc chiều tối ít nhất 02 lần trong 1 tuần trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký quyết định công khai.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND, Công chức-Tài chính xã Lục Ba tổ chức thực hiện quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện
- Phòng tài chính Huyện Đại Từ, KBNN;
- Đảng ủy, HĐND (b/c)
- UBMTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP, ban tài chính;

CHỦ TỊCH

Trần Đức Tuân

**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách xã Quý 3 năm 2024**

Hôm nay, hồi 08 giờ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

Tại UBND xã Lục Ba

1. Ông: Trần Đức Tuấn Chức vụ: Chủ tịch UBND xã
2. Ông: Nguyễn Văn Tùng Chức vụ: Công chức Tài chính- kế toán
3. Ông: Dương Văn Đức Chức vụ: Công chức Văn phòng- TK UBND xã

**Nội dung:**

Xác nhận kết quả niêm yết niêm yết công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2024 với nội dung như sau:

- Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Lục Ba quý 3/2024
- Các biểu công khai theo Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
  - Nội dung niêm yết: Ủy ban nhân dân xã Lục Ba đã công khai số liệu dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2024

( Có phụ biểu kèm theo )

- Thời gian niêm yết công khai là 30 ngày: bắt đầu kể từ ngày 15/10/2024 đến hết ngày 15/11/2024.

- Hình thức: Niêm yết tại Trụ sở UBND xã Lục Ba, gửi đại biểu HĐND xã, trưởng xóm, phát trên cụm loa truyền thanh của xã, gửi trên công thông tin điện tử của xã.

Biên bản lập xong hồi 9 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**



**Dương Văn Đức**

**TM. UBND XÃ LỤC BA  
CHỦ TỊCH**



**Trần Đức Tuấn**

## THUYẾT MINH

### Tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2024

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 8288/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước huyện Đại từ năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND của HĐND xã Lục Ba họp ngày 27/12/2023 về phân bổ dự toán ngân sách xã Lục Ba năm 2024 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu thu chi ngân sách của UBND xã Lục Ba quý 2 năm 2024. UBND xã Lục Ba báo cáo số liệu cụ thể như sau:

#### I - ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Thu chi ngân sách quý 3 năm 2024 xã Lục Ba nhìn chung đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, và có những thuận lợi, khó khăn như sau:

##### - Thuận lợi:

Công tác thu chi ngân sách thường xuyên được sự quan tâm của Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND và UBND sự quan tâm giúp đỡ của phòng Tài chính-KH huyện, Kho bạc NN huyện trong việc quản lý và điều hành ngân sách, sự phối hợp của chi cục Thuế huyện cho nên quý 3 năm 2024 thu trên địa bàn: 50.872.000/128.000.000 đạt 39,7% dự toán thu cả năm, Luỹ kế số thu quý. Chi ngân sách: 2.177.361.000/6.141.000.000 đạt 35% dự toán giao cả năm. Kinh phí ưu tiên thanh toán chi lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội cho cán bộ, kinh phí hoạt động của Đảng, HĐND, các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội.

##### - Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi như trên, công tác thu chi Ngân sách quý 3 năm 2024 của UBND xã Lục Ba một số chỉ tiêu còn thấp như thu khác, thu phạt.

Kinh phí phân bổ cho các ban ngành thấp chưa đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh tại đơn vị.

#### II- Kết quả thực hiện dự toán ngân sách quý 2 năm 2024

##### 1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách:

Năm 2024 dự toán đầu năm: 6.231.000.000 đồng,



Thực hiện quý 3: 1.595.989.000 đồng trong đó:

- Thu trợ cấp: 1.525.750.000 đồng
- Thu cân đối từ thuế và phí quý 2: 50.872.000 đồng

## 2. Chi ngân sách.

Thực hiện chi quý 3 chi thường xuyên: 2.177.361.000 đồng

### III- Đánh giá chung trong việc thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2024

Công tác thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch giao, chi ngân sách ưu tiên cho hoạt động chuyên môn cũng như thanh toán chế độ tiền lương và phụ cấp cho cán bộ.

#### Phần thứ II:

### PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÁC THÁNG TIẾP THEO

Từ kết quả đạt được và những chỉ tiêu thực hiện còn thấp đầu năm 2024. UBND xã Lục Ba đề ra những giải pháp các tháng còn lại như sau:

#### 1- Thu ngân sách:

Tăng cường thu ngân sách trên địa bàn, phối hợp với chi cục thuế rà soát thu thuế vận tải, thuế xây dựng theo đề án, thu phí chứng thực... phân đầu năm 2024 hoàn thành kế hoạch giao.

#### 2- Chi ngân sách:

Thực hiện quản lý chi ngân sách theo luật, đảm bảo chi đúng chi đủ và có trong dự toán được duyệt, thực hành tiết kiệm công lãng phí, tiết kiệm và hiệu quả.

- Đảm bảo cân đối thu chi: Ưu tiên chi trả lương, phụ cấp, cấp kinh phí kịp thời cho các hoạt động, quản lý chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả, đúng định mức, chế độ tiêu chuẩn và có trong dự toán được duyệt.

- Hoàn tất hồ sơ các công trình XD CB tiếp tục triển khai làm đường bê tông các xóm khi được cấp xi măng và thanh quyết toán đầu tư XD CB đúng tiến độ.

- Rà soát kiểm đếm hỗ trợ nhân dân phá dỡ tường rào, bờ kè các xóm thực hiện thành công chương trình mở rộng đường làng ngõ xóm 6 mét.

Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu ngân sách được giao.

#### Nơi nhận:

- TT Đảng uỷ xã Lục Ba ;
- TT HĐND xã Lục Ba ;
- Các vị ĐB HĐND xã Lục Ba;
- Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã;
- Lưu: VP UBND.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Đức Tuấn



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ

Quý 3 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>6.231.000.000</b>	<b>1.595.989.542</b>	<b>25,6</b>
1.	Các khoản thu 100%	46.000.000	8.852.000	19,2
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	82.000.000	42.020.064	51,2
3.	Thu chuyển nguồn			
4.	Thu kết dư		19.367.478	
5.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.103.000.000	1.525.750.000	25,0
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.937.000.000	1.234.250.000	25,0
	- Bổ sung có mục tiêu	1.166.000.000	291.500.000	25,0
<b>II.</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>6.141.000.000</b>	<b>1.711.405.785</b>	<b>27,9</b>
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên	6.141.000.000	2.177.361.523	35,5
3.	Dự phòng	90.000.000		



**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ**  
Quý 3 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>6.171.000.000</b>	<b>6.171.000.000</b>	<b>1.643.390.067</b>	<b>1.595.989.542</b>	<b>27</b>	<b>26</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>31.000.000</b>	<b>31.000.000</b>	<b>9.858.384</b>	<b>8.852.000</b>	<b>32</b>	<b>29</b>
- Phí, lệ phí			3.702.000	3.702.000		
+ Phí chứng thực			3.702.000	3.702.000		
+ Lệ phí môn bài						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	26.000.000	26.000.000				
- Thu khác	5.000.000	5.000.000	6.156.384	5.150.000	123	103
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>37.000.000</b>	<b>37.000.000</b>	<b>88.414.205</b>	<b>42.020.064</b>	<b>239</b>	<b>114</b>
1. Các khoản thu phân chia			73.548.303	27.748.794		
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			4.262.127	4.262.127		
- Lệ phí trước bạ nhà đất			23.486.667	23.486.667		
- Thuế thu nhập cá nhân			45.799.509			
+ Thuế TNCN từ SXKD			5.599.509			
+ Thuế TNCN từ chuyển quyền			40.200.000			
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	37.000.000	37.000.000	14.865.902	14.271.270	40	39
- Thuế giá trị gia tăng	37.000.000	37.000.000	14.865.902	14.271.270	40	39
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu nộp trả ngân sách cấp trên</b>						
<b>V. Thu chuyển nguồn</b>						
<b>VI. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			<b>19.367.478</b>	<b>19.367.478</b>		
<b>VII. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>6.103.000.000</b>	<b>6.103.000.000</b>	<b>1.525.750.000</b>	<b>1.525.750.000</b>	<b>25</b>	<b>25</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.937.000.000	4.937.000.000	1.234.250.000	1.234.250.000	25	25
- Bổ sung có mục tiêu	1.166.000.000	1.166.000.000	291.500.000	291.500.000	25	25



**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ**

Quý 1 Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi ngân sách xã</b>	<b>6.141.000.000</b>		<b>6.141.000.000</b>	<b>1.668.625.785</b>		<b>2.177.361.523</b>	<b>27,17</b>		<b>27,17</b>
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	797.467.000		797.467.000	133.222.835		133.222.835	16,71		16,71
- Chi dân quân tự vệ	464.484.000		464.484.000	253.230.081		253.230.081	17,85		17,85
- Chi trật tự an toàn xã hội	332.983.000		332.983.000	117.098.331		117.098.331	15,11		15,11
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	79.488.000		79.488.000	34.776.000		34.776.000	16,3		16,3
5. Chi văn hóa, thông tin	20.000.000		20.000.000						
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	20.000.000		20.000.000						
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	68.000.000		68.000.000	4.400.000		4.400.000	11,12		11,12
- Giao thông	10.000.000		10.000.000						
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính	58.000.000		58.000.000	4400000		4400000	7,59		7,59
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.965.577.000		4.965.577.000	1.464.480.950		1.464.480.950	29,49		29,49
Trong đó: Quỹ lương									
10.1. Quản lý Nhà nước	2.372.837.800		2.372.837.800	872.498.479		683.293.014	36,77		36,77
10.2. Hội đồng nhân dân	390.676.000		390.676.000	141.215.421		141.215.421	36,15		36,15
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	784.453.800		784.453.800	199.297.200		288.684.756	25,41		25,41
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	470.189.400		470.189.400	81.951.320		81.951.320	17,43		17,43
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	181.855.000		181.855.000	30.339.930		30.339.930	16,68		16,68
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	171.919.000		171.919.000	28.620.930		28.620.930	16,65		16,65
10.7. Hội Cựu chiến binh	181.855.000		181.855.000	28.670.930		28.670.930	15,77		15,77
10.8. Hội Nông dân	182.183.000		182.183.000	46.650.740		46.650.740	25,61		25,61
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	61.128.000		61.128.000	5.967.000		5.967.000	9,76		9,76
10.10. Hội Người cao tuổi	90.720.000		90.720.000	8.864.000		8.864.000	9,77		9,77

10.11. Hội khuyến học	19.440.000		19.440.000	4.860.000		4.860.000	25		25
10.12. Chi hỗ trợ khác									
10.13. Hội Cựu Thanh niên XP	19.440.000		19.440.000	5.825.000		5.825.000	29,96		29,96
10.14. Hội Đồng Y	19.440.000		19.440.000	4.860.000		4.860.000	25		25
10.15. Hội Nạn nhân Da cam	19.440.000		19.440.000	4.860.000		4.860.000	25		25
11. Chi cho công tác xã hội	190.468.000		190.468.000	50.402.000		50.402.000	26,46		26,46
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	180.468.000		180.468.000	50.402.000		50.402.000	27,93		27,93
- Trê mồ côi, người già không nơi lương tựa	10.000.000		10.000.000						
- Trợ cấp xã hội									
- Khác									
12. Chi khác									
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

